

Số: 767/QĐ-QLTTLS

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán chi ngân sách
nhà nước năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Lạng Sơn
(Ngân sách địa phương)

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2016/NĐ-CP 21/12/2016 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách,
các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; được sửa đổi, bổ sung một số điều
tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn: 1966/QĐ-UBND ngày
12/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán
ngân sách nhà nước năm 2023; số 1355/QĐ-UBND ngày 26/8/2023 và
1861/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 về việc giao bổ sung dự toán chi Ngân sách
nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh và các huyện, thành phố
kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và các nhiệm vụ phát sinh;

Căn cứ Biên bản duyệt Quyết toán ngân sách năm 2023 ngày 25/6/2024
của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm
2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Lạng Sơn (Ngân sách địa phương), theo
biểu đính kèm.

Điều 2. Trưởng các Phòng Tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ,
Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường, Kế toán Cục và các đơn vị có liên quan
tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Tổng cục QLTT;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng TCHC;
- Lưu: VT, KT (02).

CỤC TRƯỞNG
CỤC
QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN
Đặng Văn Ngọc

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục QLTT tỉnh Lạng Sơn

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 767/QĐ-QLTTLS ngày 08/7/2024 của Cục QLTT tỉnh Lạng Sơn)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Mã số	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6=5-4	7
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC					
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1				
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2				
	- Kinh phí đã nhận	3				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4				
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5				
	- Kinh phí đã nhận	6				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7				
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	3.864.024.100	3.864.024.100	0	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9			0	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	3.864.024.100	3.864.024.100	0	
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	3.864.024.100	3.864.024.100	0	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	3.864.024.100	3.864.024.100	0	
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	3.864.024.100	3.864.024.100	0	

Số TT	Nội dung	Mã số	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6=5-4	7
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	3.864.024.100	3.864.024.100	0	
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	2.366.775.750	2.366.775.750	0	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	2.366.775.750	2.366.775.750	0	
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	1.497.248.350	1.497.248.350	0	
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	21				
	- Đã nộp NSNN	22				
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23				
	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	24				
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	1.497.248.350	1.497.248.350	0	
	- Đã nộp NSNN	26				
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27	1.497.248.350	1.497.248.350	0	
	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	28				
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	-	-	0	
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	-	-	0	
	- Kinh phí đã nhận	31				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	-	-	0	
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	-	-	0	
	- Kinh phí đã nhận	34				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	-	-	0	